

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/DS-PT

Ngày: 19/8/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2022/QĐPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số nhà 821, ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Đinh Thị Bé M, Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư Đinh M, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Võ Thị N1, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 499, ấp P2, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi tạm trú: Ấp L1, xã H, huyện L2, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Duy K, sinh năm 1990;
2. Ông Phạm Quốc D, sinh năm 1966;
3. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1966;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 499, ấp P2, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Duy K, ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị N cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị N có tham gia làm hội viên trong các đây hội do chị Võ Thị N1 là chủ hội nên hai bên quen biết nhau. Để có tiền sửa nhà, mua sắm vật dụng trong gia đình và để xoay sở giao hội cho các hội viên, chị N1 có vay của chị N 900.000.000 đồng, lãi suất vay là 2,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, cụ thể:

- + Ngày 27/5/2021 (al) nhằm ngày 06/7/2021 (dl) vay 200.000.000đồng;
- + Ngày 10/6/2021 (al) nhằm ngày 19/7/2021 (dl) vay 400.000.000đồng;
- + Ngày 20/6/2021 (al) nhằm ngày 29/7/2021 (dl) vay 300.000.000đồng.

Cả 03 lần vay tiền, chị N1 có làm biên nhận do chị N1 tự viết và ký tên. Đến hạn trả tiền nhưng chị N1 không thực hiện. Chị N đã nhiều lần đến nhà yêu cầu gia đình chị N1 trả lại tiền nhưng gia đình chị N1 chỉ hứa hẹn mà không trả. Chị N1 cùng chồng là anh Phạm Duy K sống cùng cha mẹ chồng là ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2. Chị N1 đã sử dụng số tiền vay của chị N để sửa chữa nhà, mua sắm tài sản và chi tiêu trong gia đình. Do đó, chị N yêu cầu chị N1 cùng chồng là anh K và cha mẹ chồng là ông D và bà N2 phải liên đới trả cho chị N số tiền 900.000.000đồng cùng lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày vay tiền tức tháng 7/2021 đến khi Tòa án xét xử.

Chị N xác định, giao dịch vay tiền giữa các bên cũng chỉ là giao dịch dân sự nên chỉ khởi kiện để lấy lại tiền. Chị N cũng xác định chị N1 vẫn còn nợ tiền chị N trong các giao dịch hội nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Theo các lời trình khai trong quá trình tố tụng bị đơn chị Võ Thị N1 trình bày:

Chị thừa nhận chị có vay của chị Nguyễn Thị N 03 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng như chị N trình bày. Cả 03 lần vay tiền, chị có làm biên nhận do chị tự viết và ký tên; lãi suất vay là 2,5%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận

miệng là sau vài tháng sẽ trả. Chị thừa nhận, khi vay số tiền này chị không nói cho chồng và cha mẹ chồng biết nhưng chị đã dùng số tiền này để xoay sở trong gia đình như: Trả nợ và đóng hụi cho anh K 180.000.000đồng; mua vật liệu xây dựng để sửa chữa căn nhà số 499, ấp Tiên Phú 2, xã L mà vợ chồng chị đang sống cùng cha mẹ chồng là ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2; mua sắm, chi tiêu hàng ngày trong gia đình; số tiền còn lại thì chị dùng để xoay vòng giao hụi cho các hụi viên.

Do chị chưa có tiền nên đến nay vẫn chưa trả được số nợ này cho chị N. Nay chị đồng ý trả số tiền vốn vay 900.000.000đồng cùng lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng chị yêu cầu anh K và cha mẹ chồng là ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2 cùng chị trả số nợ này. Khi chị N đến nhà đòi tiền, cha mẹ chồng chị có hứa sẽ cùng chị trả nợ nhưng nay lại đổi ý nên chị yêu cầu Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy K trình bày:

Anh và chị Võ Thị N1 là vợ chồng. Từ khi kết hôn đến nay, anh chị sống cùng nhà với cha mẹ anh là ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2. Trước đây, chỉ có anh đi làm còn chị N1 ở nhà chăm sóc con và lo việc nội trợ. Từ tháng 02/2021 âm lịch, chị N1 bắt đầu làm chủ hụi, việc chị N1 làm chủ hụi có bàn bạc cùng anh và anh cũng đồng ý cho chị Ngân làm ăn với mục đích là kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Anh không trực tiếp tham gia vào việc làm ăn của chị N1 nhưng thỉnh thoảng anh có hỏi thì chị N1 nói các dây hụi đều ổn. Anh thừa nhận trong thời gian ông D, bà N2 sửa chữa nhà thì chị N1 có đưa cho anh 10 triệu đồng để mua vật liệu sửa nhà; chị Ngân cũng trả nợ và đóng hụi cho anh khoảng 180 triệu đồng. Đến thời gian gần đây, chị N và các hụi viên đến nhà đòi nợ thì anh mới biết chị N1 gây ra nợ. Trong thời gian qua, việc vay nợ hay thiếu tiền của các hụi viên chị N1 không nói gì cho anh biết. Nay anh cũng đồng ý cùng chị N1 chịu trách nhiệm trả số nợ này cho chị N.

Tại phiên tòa, anh thay đổi ý kiến là không đồng ý cùng chị Ngân liên đới trả nợ nữa vì anh không ngờ số nợ chị Ngân thiếu quá lớn, anh không có khả năng trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc D, bà Nguyễn Thị N2 trình bày:

Anh Phạm Duy K là con của ông bà. Từ khi anh K và chị Ngân kết hôn đến nay, anh chị sống chung với ông bà. Vào tháng 4/2021 (al), ông bà có sửa chữa lại căn nhà số 499, ấp P2, xã L nhưng giá trị sửa chữa chỉ khoảng 120 triệu đồng, tiền sửa chữa nhà là tiền của ông bà; căn nhà sửa chữa trong khoảng thời gian 01 tháng và hoàn thành trước khi tỉnh Bến Tre thực hiện giãn cách xã hội. Anh K ở chung nhà nên đôi khi có thiếu chút ít vật liệu thì anh K có đi mua bổ sung về cho thợ làm. Trong thời gian sống chung với ông bà, chị Ngân chỉ phụ lo chi phí chi tiêu, sinh hoạt trong nhà chứ không có bỏ tiền vào việc sửa chữa

căn nhà. Trước đây, chị Ngân chỉ ở nhà chăm con. Từ tháng 02/2021 (al), chị Ngân bắt đầu làm chủ hụi; việc chị N1 làm chủ hụi có bàn bạc cùng ông bà và ông bà cũng đồng ý với mục đích kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Trong thời gian làm chủ hụi, để có tiền xoay vòng các dây hụi ông bà còn cho chị Ngân mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà để đi vay tiền bên ngoài. Tuy nhiên, đối với việc chị Ngân mượn giấy tờ của ông bà đi vay tiền thì ông bà sẽ tự trả nợ để lấy lại giấy tờ, ông bà không yêu cầu chị Ngân và anh K trách nhiệm. Riêng số nợ của chị N, ông bà không biết việc chị N1 vay số tiền này nên không đồng ý liên đới cùng chị Ngân, anh K trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Buộc chị Võ Thị N1, anh Phạm Duy K, ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2 chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.041.280.000 (Một tỷ không trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2022 anh Phạm Duy K, ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng kháng cáo, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc anh K, ông D, bà N2 có trách nhiệm liên đới cùng chị N1 trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy K, ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2 trình bày:

Việc chị N1 vay tiền chị N thì ông D, bà N2, anh K không hay biết, không tham gia giao dịch vay mượn nợ, không sử dụng tiền nợ để chi tiêu. Bởi lẽ, chị N1 thừa nhận thời gian sửa chữa nhà là tháng 4 mà chị vay tiền chị N vào tháng 7 nên không thể sử dụng tiền này vào việc sửa chữa nhà được. Đoạn ghi âm nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng không trình bày được nguồn gốc và không được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ ai là người ghi âm để cung cấp cho bên nguyên đơn. Việc chị N1 vay tiền liên tục trong thời gian ngắn mà vụ việc này chỉ có hai bên biết, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xem phía chị N và chị N1 có bắt tay với nhau để nhằm buộc ông D, bà N2 phải liên đới trả nợ hay không. Trong khi chị N1 không thể xác định được cụ thể số tiền trả nợ hụi, số tiền đưa vào sửa chữa nhà hay số tiền được đưa vào chi tiêu trong gia đình. Vì

vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc D, bà Nguyễn Thị N2 và anh Phạm Duy K, sửa bản án sơ thẩm không buộc ông D, bà N2, anh K liên đới trả nợ cùng chị N1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị N1 vay tiền của chị N để đem về sửa chữa nhà, chi tiêu trong gia đình, trả nợ cho anh K, điều này được chị N1 thừa nhận. Khi chị N1 nợ nhiều người và bị những người này làm đơn tố cáo tại Công an thì ông D có dạy chị Ngân khai để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đoạn ghi âm này ông D thừa nhận là giọng nói của ông D như vậy chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp là chứng cứ có thật, không phải bịa đặt. Tại cấp sơ thẩm ông D thừa nhận dùng tiền của chị N1 sửa nhà, cải tạo 08 công vườn sào riêng bị nước mặn hư hại để làm vụ mùa sau. Anh K cũng thừa nhận chị N1 có trả nợ cho anh. Trong khi chị N1 không đi làm, đang nuôi con nhỏ, anh K đi làm lương 3,5 triệu đồng/tháng thì làm sao đủ chi tiêu trong gia đình và anh K cũng có thừa nhận có giai đoạn thất nghiệp vậy tiền sinh hoạt ở đâu mà có. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ để quyết định hợp tình, hợp lý. Phía anh K, ông D, bà N2 kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh K, ông D, bà N2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Duy K trình bày:

Việc phía nguyên đơn cho rằng chị N1 dùng tiền sửa chữa nhà là không đúng với thực tế, chị N1 chỉ đưa anh 10 triệu đồng để mua gạch dán ở phòng riêng, mua tủ để trong phòng mà không đóng góp vào sửa chữa nhà. Anh có nợ nhưng tôi đã hót hụi và mượn cha mẹ tiền trả nợ, tiền hụi chết anh đi làm có tiền thì anh đóng. Chị Ngân chỉ đóng hụi cho tôi 3- 4 tháng vì khi đó cho Ngân làm chủ hụi có mấy tháng đã vỡ nợ thì làm gì liên quan đến việc trang trải sinh hoạt gia đình. Vì sinh hoạt gia đình sao chi tiêu cho hết số tiền lớn như vậy. Do đó, anh không biết việc chị Ngân vay mượn tiền dùng vào mục đích gì, không sử dụng tiền của chị Ngân nên anh không đồng ý liên đới cùng chị Ngân trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng:

Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy K, chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc ông D, bà N2 có nghĩa vụ liên đới cùng chị N1 trả cho chị N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị N1 trả tiền vay 900.000.000 đồng theo các chứng cứ là bản chính biên nhận vay tiền do chị Võ Thị N1 thừa nhận viết và ký tên. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì đây là tình tiết được đương sự thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc buộc chị N1 trả số tiền vay 900.000.000 đồng và tiền lãi 141.280.000 đồng là có căn cứ. Chị N1 không kháng cáo, người có thẩm quyền không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Đối với trách nhiệm liên đới của anh Phạm Duy K: Anh K và chị N1 là vợ chồng. Sau khi chị N1 và anh K kết hôn, anh chị cùng làm ăn chung, cùng phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng không có làm ăn riêng. Đối với số tiền vay của chị N, anh K thừa nhận chị N1 có dùng để trả nợ vay và đóng hui cho anh. Đồng thời, anh K cũng thừa nhận, trước khi chị N1 làm chủ hui, chị N1 có bàn bạc cùng anh và anh cũng thống nhất cho chị N1 đại diện vợ chồng bắt đầu các mối quan hệ làm ăn. Căn cứ Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Trong trường hợp vợ, chồng kinh doanh chung thì vợ, chồng trực tiếp tham gia quan hệ kinh doanh là người đại diện hợp pháp của nhau trong quan hệ kinh doanh đó, ...”* và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K cùng có nghĩa vụ liên đới với chị N1 trả số nợ này cho nguyên đơn là phù hợp. Anh K kháng cáo cho rằng việc nợ của chị N1 anh không biết là mâu thuẫn với lời trình bày của anh tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh không trình bày được lý do cho việc thay đổi lời khai nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Kha.

[3] Đối với trách nhiệm của ông D, bà N2: Chị N và chị N1 cho rằng chị N1 vay tiền dùng vào mục đích sửa chữa căn nhà số 499 ấp Tiên Phú 2, xã L; mua sắm tài sản và chi tiêu trong gia đình chồng nên chị N và chị N1 yêu cầu ông D và bà N2 cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ này. Ông D, bà N2 cho rằng ông bà không biết việc chị N1 vay tiền của chị N nên không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới.

Xét thấy, tại biên bản đối chất ngày 17/3/2022 của Tòa án, chị N thừa nhận cả 03 lần chị N cho chị N1 vay tiền cả hai thống nhất với nhau là không

cho gia đình chồng của chị N1 biết nên ông D, bà N2 không tham gia vào giao dịch vay mượn tiền. Như vậy, việc ông D, bà N2 cho rằng ông bà không biết việc chị N1 vay tiền chị N là có thật. Đối với việc chị N1 trình bày có dùng tiền vay để đưa vào sửa chữa nhà thì đây là ý chí của chị N1 trong việc sử dụng tiền vay mượn, chị N1 cũng thừa nhận việc chị đưa tiền vào sửa chữa nhà là do chị tự nguyện, ông D, bà N2 không có yêu cầu chị đưa tiền, vì khi đó chị sống chung cùng gia đình chồng. Như vậy, việc chị N1 có đưa tiền vào sửa nhà không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của ông D, bà N2 vì việc đầu tư sửa nhà là do chị N1 tự nguyện đóng góp hoặc nếu có thỏa thuận thì chị N1 có quyền đòi lại tài sản mà chị đã đóng góp. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 25, 27 Luật Hôn nhân và Gia đình để buộc ông D, bà N2 phải liên đới cùng chị N1 trả nợ cho chị N là không đúng trong trường hợp này, vì giao dịch dân sự chỉ do một bên thực hiện, điều luật này chỉ áp dụng để xác lập trách nhiệm liên đới đối với vợ chồng.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy K; chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị N2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chị Võ Thị N1, anh Phạm Duy K phải liên đới chịu án phí là 43.238.000 (Bốn mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.800.000 (Hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001256 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Anh Phạm Duy K phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0006504 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Phạm Quốc D, bà Nguyễn Thị N2 tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006503 ngày 24/5/2022 và 0006516 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Duy K;

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc D, bà Nguyễn Thị N2.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 288, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 25 và 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị Võ Thị N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy K.

Buộc chị Võ Thị N1, anh Phạm Duy K có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.041.280.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong. Nếu bên nào chưa thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị N1, anh Phạm Duy K phải liên đới chịu án phí là 43.238.000 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.800.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001256 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Phạm Duy K phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0006504 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Phạm Quốc D, bà Nguyễn Thị N2 tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006503 ngày 24/5/2022 và 0006516 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

